

Bản án số: 46/2025/DS-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Lê Phú Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cao Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim Q năm: 1995. Địa chỉ: M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý Mạnh D năm: 1971; Địa chỉ: B D, phường T, tỉnh Đắk Lắk Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Tấn H năm: 1999; Địa chỉ: A, Phường E, thành phố T, Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Lê Nhật P năm: 1999; Địa chỉ: A, Phường I, thành phố T, Phú Yên (nay là phường T, Đắk Lắk Vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:*

Vào ngày 18/3/2024, bà Võ Thị Kim Q1 cho ông Đoàn Tấn H1 số tiền 2.000.000.000 đồng, ông H5 viết Giấy mượn tiền của ông Huỳnh Lê Nhật P1 đủ, giấy mượn tiền ghi ông H1 của ông P4 thực chất là tiền của bà Q2 ông H1,

ông P6 đứng tên dùm cho bà P2 này cũng được ông P3 nhận.

Theo Giấy mượn tiền, ông H2 sẽ trả lại cho bà Q3 ngày 25/3/2024 nhưng đến nay ông H3 không trả dù bà Q4 đòi rất nhiều lần. Do đó, bà Q5 kiện yêu cầu ông H9 trả lại cho bà Q6 tiền gốc đã mượn là 2.000.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 26/3/2024 cho đến nay.

* *Bị đơn ông Đoàn Tấn H4 bày:* Vào ngày 18/3/2024, tôi (Đoàn Tấn H5 mượn của bà Võ Thị Kim Q6 tiền 2.000.000.000 đồng, có viết Giấy mượn tiền của ông Huỳnh Lê Nhật P4 số tiền 2.000.000.000 đồng mà tôi viết giấy mượn của ông P5 chất là tiền của bà Võ Thị Kim Q7 mượn của bà Qông P6 đứng tên dùm. Nay bà Q5 kiện yêu cầu tôi trả nợ số tiền này thì tôi đồng ý. Tôi hẹn trong vòng 02 tháng tôi sẽ trả đủ cho bà Q6 tiền nói trên.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Vào ngày 18/3/2024, ông Đoàn Tấn H5 viết Giấy mượn tiền của tôi số tiền 2.000.000.000 đồng. Tôi xác nhận sự việc này, tuy nhiên số tiền 2.000.000.000 đồng mà ông viết giấy mượn tôi này là khoản tiền của bà Võ Thị Kim Q8 Qnhờ tôi đứng tên cho ông H6 dùm. Như vậy, thực chất là ông H6 của bà Q9 đồng chứ không phải vay của tôi. Nay bà Q5 kiện yêu cầu ông H7 nợ số tiền này thì tôi thống nhất, tôi không có ý kiến gì, vì đây là tiền ông H8 bà Q10 ông H9 trả lại cho bà QVì điều kiện công việc, tôi không thể tham gia làm việc tại Tòa nên tôi đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tôi không có ý kiến gì thêm.

Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 2.000.000.000 đồng và lãi suất chậm trả từ ngày 26/3/2024 cho đến nay, làm tròn là 17 tháng, theo mức 10%/năm là 282.200.000 đồng; tổng cộng gốc lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.282.200.000 đồng.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền gốc 2.000.000.000 đồng; đề nghị Tòa tính lãi suất theo quy định của pháp luật và xin được trả nợ trong vòng 06 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa mà vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy: Căn cứ vào Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự trong vụ án, có cơ sở xác định: Ngày 18/3/2024, bị đơn ông Đoàn Tấn H5 vay của nguyên đơn bà Võ Thị Kim Q6 tiền 2.000.000.000 đồng và hẹn trả vào ngày 25/3/2024. Tuy nhiên, từ lúc đến thời hạn trả nợ (ngày 25/3/2024) cho đến nay bị đơn không thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Tiền lãi chậm trả được tính từ ngày tiếp theo của ngày đến thời hạn trả nợ mà bị đơn không trả cho nguyên đơn (ngày 26/3/2025) đến ngày xét xử sơ thẩm là: 17 tháng 15 ngày nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tròn là 17 tháng nên chấp nhận, buộc bị đơn phải trả số tiền lãi của 17 tháng là $17 \text{ tháng} \times 2.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} (0,83\%/\text{tháng}) = 282.200.000 \text{ đồng}$.

[4] Như vậy, tổng cộng gốc và lãi mà bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 2.282.200.000 đồng.

[5] Bị đơn thừa nhận nợ và xin được trả nợ trong vòng 06 tháng nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..., trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Trong trường hợp này, đã quá hạn trả nợ, hai bên không thỏa thuận được về thời gian và phương thức trả nợ nên bị đơn phải có trách nhiệm trả đủ số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim Q11

Buộc bị đơn ông Đoàn Tấn H9 trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim Q6 tiền vay còn nợ tổng cộng gốc lãi là 2.282.200.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng*); trong đó: tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng*) và tiền lãi là 282.200.000 đồng (*Hai trăm tám mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn ông Đoàn Tấn H9 chịu 77.644.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim Q12 41.000.000 đồng (*Bốn mươi một triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0006123 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND KV11;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H1

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/DS-ST Ngày:
25-9-2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị NTrần Thị Ngọc Đ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ S— Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST-DS ngày 13/7/2017 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/QĐXX-ST ngày 22/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1

Địa chỉ: C H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Bùi Quốc B đốc P1Ngân hàng Đ1chi nhánh P2là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Thu T năm: 1969;

Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú YênVắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bà Bùi Thị Thu T1 vay của Ngân hàng TMCD1 Đ1theo các hợp đồng sau:

- Ngày 24/8/2013, bà Bùi Thị Thu T2 của Ngân hàng TMCD1 Đ1số tiền 30.000.000 đồng theo Hợp đồng số 330/2013/HĐ, lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 11 tháng nhưng sau đó gia hạn hàng năm, ngày đến hạn trả nợ là 20/7/2017; nhưng đến nay bà T6 trả.

- Ngày 18/12/2014, bà T3 tục vay của Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng theo Hợp đồng số 87/2014/HĐ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Đến nay bà T5 nợ số tiền gốc là 23.094.000 đồng và nợ lãi, lãi phạt chưa thanh toán.

- Ngày 10/7/2015, bà T3 tục vay của Ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng theo Hợp đồng số 26/2015/HĐ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Đến nay bà T5 nợ số tiền gốc là 10.548.000 đồng và nợ lãi, lãi phạt chưa thanh toán.

- Ngày 24/02/2016, bà T3 tục vay của Ngân hàng số tiền 43.000.000 đồng theo Hợp đồng số 50/2016/HĐ, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/năm. Đến nay bà T5 nợ số tiền gốc là 35.799.340 đồng và nợ lãi, lãi phạt chưa thanh toán. Đến nay các khoản vay của bà T8 phát sinh quá hạn nhưng bà T4 không thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đốc thúc, làm việc.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T9 thanh toán số tiền nợ của 04 hợp đồng nói trên tính đến ngày 22/8/2017 tổng cộng là 107.536.613 đồng,

trong đó: nợ gốc: 99.441.340 đồng, nợ lãi: 7.012.170 đồng và lãi phạt 1.083.103 đồng.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCD1 Đ1do ông Lưu Bùi Quốc B1 đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2017) bà Bùi Thị Thu T5 nợ Ngân hàng theo 04 hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 108.899.155 đồng; trong đó: gốc 99.441.340 đồng, lãi 9.457.815 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 464, 466, 468 của BLDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã ký kết đến ngày 25/9/2017. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định. Nguyên đơn phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Biên bản xác minh ngày 19/7/2017 thì tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn bà Bùi Thị Thu T6 có mặt tại nơi cư trú. Việc bà T7 đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, việc bà T6 thông báo cho nguyên đơn địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn bà Bùi Thị Thu T8 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2017), bà Bùi Thị Thu T5 nợ của Ngân hàng TMCD1 Đ1 theo 04 hợp đồng đã ký kết số tiền tổng cộng là 108.899.155 đồng, trong đó: gốc là 99.441.340 đồng và lãi là 9.457.815 đồng; cụ thể: theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 330/2013/HĐ ngày 24/8/2013 là 32.168.509 đồng (gốc: 30.000.000 đồng; lãi: 2.168.509 đồng); Hợp đồng tín dụng số 87/2014/HĐ ngày 18/12/2014 là 25.645.358 đồng (gốc: 23.094.000 đồng; lãi: 2.164.341 đồng, lãi phạt: 387.017 đồng); Hợp đồng tín dụng số 26/2015/HĐ ngày 10/7/2015 là 11.646.871 đồng (gốc: 10.548.000 đồng, lãi: 985.432 đồng, lãi phạt: 113.439 đồng) và Hợp đồng tín dụng số 50/2016/HĐ ngày 24/02/2016 là 39.438.417 đồng (gốc: 35.799.340 đồng, lãi: 3.444.782 đồng, lãi phạt: 194.295 đồng).

Xét thấy, việc bà Bùi Thị Thu T6 thanh toán các khoản nợ gốc và lãi khi đến hạn cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà T9 trả cho Ngân hàng TMCD1 Đ1 số tiền vay còn nợ đến ngày 25/9/2017 theo 04 Hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 108.899.155 đồng.

[3] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCD1 Đ1 phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ1

Buộc bị đơn bà Bùi Thị Thu T9 trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCD1 Đ1 số tiền vay còn nợ đến ngày 25/9/2017 theo 04 Hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 108.899.155 đồng (*Một trăm linh tám triệu tám trăm chín mươi chín nghìn một trăm năm mươi lăm đồng*), trong đó: gốc là 99.441.340 đồng và lãi là 9.457.815 đồng; cụ thể: theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 330/2013/HĐ ngày 24/8/2013 là 32.168.509 đồng (gốc: 30.000.000 đồng; lãi: 2.168.509 đồng); Hợp đồng tín dụng số 87/2014/HĐ ngày 18/12/2014 là 25.645.358 đồng (gốc: 23.094.000 đồng; lãi: 2.164.341 đồng, lãi phạt: 387.017 đồng); Hợp đồng tín dụng số 26/2015/HĐ ngày 10/7/2015 là 11.646.871 đồng (gốc: 10.548.000 đồng, lãi: 985.432 đồng, lãi phạt: 113.439 đồng) và Hợp đồng tín dụng số 50/2016/HĐ ngày 24/02/2016 là 39.438.417 đồng (gốc: 35.799.340 đồng, lãi: 3.444.782 đồng, lãi phạt: 194.295 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn bà Bùi Thị Thu T9 chịu 5.445.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCD1 Đ12.650.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004958, ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCD1 Đ1 phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

